

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 17 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 59

Trên đây, trong giải thích phiên nào tạp nhiễm có ba, hai môn ban đầu đã giải thích xong.

Dưới đây là thứ ba, giải thích nghĩa của chín môn, trong đó, trước là giải thích riêng chín môn, sau là dùng bài tụng để gom nhiếp của chúng. Trong phần trước, đầu tiên là giải thích chín môn sau, là kết luận các cú môn, còn lại mà ở đây không nói.

Trong phần trước, ban đầu, nói về môn phát nghiệp. Pháp sư Cảnh nói: “Nếu theo Tiểu thừa, thì tu hoặc phát nghiệp”. Trong phần ấy nói: phiên nào của môn ngoài có công năng phát nghiệp v.v...”. Nếu theo Du-già, Đối Pháp v.v..., đều nói là do khổ phẩm hạ, vô minh bất cộng phát nghiệp, như Đối Pháp nói: “Vì thế tục ngu, nên gây ra nghiệp bất thiện, vì dựa vào ngu thắng nghĩa, nên tạo phước nghiệp bất động. Văn này là nói mê khổ vô minh phát nghiệp. Vì sao? Vì bất thiện chiêu cảm khổ thọ, tức là khổ khổ. Nói khổ khổ này, gọi là khổ đế. Nếu thế tục hiểu rõ, thì gọi là khổ của thế tục. Vì ngu cái khổ của thế tục này, nên tạo nghiệp bất thiện. Nghiệp thiện chiêu cảm báo lạc, Xả thọ trong người, trời, là thể của hành khổ. Dựa vào hành khổ này để lập khổ đế. Chỉ có bậc Thánh biết rõ, gọi là khổ Thắng nghĩa. Vì không hiểu rõ lạc, xả v.v... là nỗi khổ thắng nghĩa, nên tạo phước, nghiệp bất động. Kinh Duyên Khởi nói: “Vô minh bất cộng phát các nghiệp, tức chung cho bốn đế. Vô minh bất cộng đều có thể phát nghiệp, do học kiến tích, đã từng không đối với “hữu” sau, khởi triền ràng buộc mong muốn, phát sinh “hữu” sau.”

Hỏi: “Như tu hoặc phát nghiệp, nghiệp là do Tu dứt trừ, kiến hoặc phát nghiệp, nghiệp có bị kiến đạo dứt trừ chăng?”

Đáp: “ Như quả báo của đường ác còn nói là do kiến dứt trừ, hưởng chi là nghiệp chung kiến đoạn trừ, cũng đâu có lỗi. Nay, văn này

nói “Tất cả mười thứ căn bản đều phát nghiệp, nghĩa là hoặc y theo mười “hoặc” của khổ phẩm hạ, cũng có thể y cứ chung vào mười căn bản “hoặc” của kiến, tu. Do kiến, tu tất cả đều phát, nên nói là tất cả năng phát. Dù nói kiến tu đều phát, nhưng vẫn chưa biết được phiền não của tướng nào phát nghiệp bất thiện, sẽ đến đường ác, nên kể là nói rằng: “Nghiệp năng phát mạnh mẽ, nhạy bén, chứ chẳng phải các thứ quên mất mà hiện hành”. Tức nói phẩm thượng mạnh mẽ, nhạy bén, phát nghiệp của đường ác. Phiền não phẩm hạ, trung của thất niệm, phát nghiệp, không đến đường ác, chỉ thọ quả báo riêng của người, trời. Lại phân biệt khởi, phần nhiều là phát nghiệp nghiệp đường ác của phẩm thượng. Nhậm vận mà phát, phần nhiều là người, trời phẩm trung, hạ cảm thọ.”

Pháp sư Thái nói: “ Nhiếp Luận bản cựu dịch chép: “Nếu không có vô minh của khổ phẩm hạ, thì các hành sẽ không sinh. Nếu không có tu đạo, thì các hành của vô minh sẽ không thành thực”. Nay, nói rằng: tất cả năng phát nếu vì hội thông, giải thích rằng, nếu kiến hoặc chưa dứt trừ, thì tu hoặc cũng phát nghiệp; dứt kiến hoặc xong, tu hoặc sẽ không được phát vì không có giúp đỡ”. Do nghĩa này, nên Nhiếp luận chủ nói: “Nếu không có khổ phẩm hạ thì vô minh sẽ do kiến hoặc v.v..., vì tu hoặc cũng phát nghiệp. Luận chủ này nói: “Tất cả phát nghiệp”, lại giải thích: “Phiền não kiến đạo, có thể phát Dẫn nghiệp, Mãn nghiệp Nhiếp luận y cứ nghĩa này nói rằng, Tu hoặc chỉ được phát nghiệp viên mãn, như Dự lưu v.v... thêm năm tay v.v... ”. Luận chủ này y theo nghĩa này.”

“Nếu vậy, vì sao Luận Phật Tánh nói: “Do Tư Duy, nên các nghiệp được sinh; do kiến hoặc, nên các hành được thành thực. Về sau lại tư duy?”

Luận sư Bị nói: “Theo lý Đại thừa, phần nhiều kiến hoặc phát nghiệp; tu hoặc nhuận sinh nghiệp, đồng với giải thích của Ngài Bạt-ma”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đây là chung cho tác pháp của kiến, tu đạo. kiến đạo cõi Dục kia chỉ có bất thiện, nên đều là chủ thể phát nghiệp. Trong tu đạo, như Đối Pháp quyển tư chép: “Nhậm vận phát ra hành vi ác, nghĩa là bất thiện, tức là ngã kiến v.v... có khi không thể, cho nên kiến đạo gọi là phiền não phân biệt”. Như Đối Pháp quyển tư nói: “Chỉ có Kiến đạo này phát ra ba nghiệp đường ác, chứ chẳng phải tu đạo. Nhưng ở đây y cứ hoàn toàn dẫn đến quả mãn để luận, thì trong tu đạo kia đâu ngại cũng có phát ác để đi đến nghiệp báo riêng, nên biết

rằng, nay y theo quả dẫn, không y theo quả mẫn.”

Giải thích môn tướng, trong đó: ban đầu, chính là nói về tướng, sau, là kết ý của thuyết trước dẫn sanh ra sau.

Ở phần trước, trước là hỏi đáp, chia ra, ba tướng, sau giải thích theo thứ lớp.

Đầu tiên là giải thích tự tướng, vì đều trụ tánh mình. Kế là giải thích công tướng, tức không vắng lặng, gọi là công tướng của các phiên nào. Vì đối lập với pháp thanh tịnh ở trước, nên nói: “không vắng lặng, gọi là Tự tánh”.

Giải thích về sự khác nhau giữa các tướng. Trước hỏi hai môn, sau giải thích hai môn. Tướng khác nhau của môn chỉ như Bản địa. Trong chuyển khác nhau, trước, chia ra, bảy môn, sau, giải thích bảy môn, chia làm bốn đoạn:

Trước Giải thích tướng tùy miên chuyển. Trước nói về tướng tùy miên. Sau nhân luận sinh luận; nương biện luận mà nói rộng.

Trong phần trước Mười tám, đều thành tám cặp:

1. Cặp cảnh tự tha.
2. Cặp hao hụt, không hao hụt.
3. Cặp tăng, không tăng.
4. Cặp đủ, không đủ.
5. Cặp hại, không hại.
6. Cặp tăng bình đẳng, kém.
7. Cặp giác, không giác.
8. Cặp sinh khổ nhiều, ít.

Theo đuổi cảnh của mình, nghĩa là sinh địa mình, Tùy miên ràng buộc địa mình. Theo đuổi cảnh khác, như sinh địa trên, tùy miên địa dưới theo đuổi. Lại sanh địa dưới, địa trên, tùy miên theo đuổi. Bị tổn hại: như nương Sơ thiên, hàng phục tùy miên cõi Dục.

Bị hao hụt, nghĩa là đã lìa dục, hoặc chưa lìa dục, tùy miên địa mình của Sơ thiên.

Tùy tăng: nghĩa là sinh địa mình, tùy miên của địa mình vì thường huân tập nên tăng.

Không tùy tăng, nghĩa là sinh địa mình, tùy miên của cõi khác không thường huân tập, nên không tăng.

Phần không đủ, nghĩa là theo lý Đại thừa, lúc được đạo Vô gián, thì không có hạt giống “hoặc”. Nên không có bậc Thánh, nghĩa là trói buộc đủ, không đồng với luận Tiểu thừa.

Giác ngộ tùy miên, nghĩa là quả của triền và triền đều chuyển:

Triền là quả của chủ thể huân tập với triền, chủ thể huân tập, đều gọi là giác ngộ.

Không giác ngộ, nghĩa là không cùng sinh với triền hiện hành.

Nhiều khổ v.v..., nghĩa là cõi Dục có đủ ba khổ; cõi Sắc hai khổ, cõi Vô Sắc chỉ một. Bát địa trở lên, gọi là Bồ-tát tự tại.

Kế là, nói về sự thô nặng. Ban đầu, là hỏi, đáp, nói về sự thô nặng của phẩm phiền não, so với năm uẩn hiện hành, phải nói là khác, vì La-hán kia đã dứt trừ sự thô nặng mà các hành vẫn khởi.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đây y theo tánh thô nặng, nói là sự thô nặng này cũng gọi là Tùy miên, vì là tánh phiền não, nên nói thể gọi là Tùy miên, chứ chẳng phải dựa vào sự không yên ổn mà gọi là thô nặng.”

Kế là hỏi, đáp, nhằm nói về mười tám thứ thô nặng. Sáu thô nặng trước: Phương Tây, có ba thuyết:

1. Bồ-tát Hộ Pháp nói: “Ba thứ trước, y theo hạt giống pháp nhĩ (bản hữu), ba thứ sau, là y theo hạt giống; mới huân tập.

2. Bồ-tát Hộ Nguyệt cho rằng: Ba thô nặng trước, y theo hạt giống, ba thứ sau y theo hiện hành.’

3. Ngài Thắng Quân nói: “Ba thứ trước từ vô thỉ đến nay, huân tập thành, ba thứ sau, hạt giống hiện hành.”

Pháp sư Cảnh nói: “Ba thứ đầu, là nêu nghiệp báo thô nặng của tất cả phiền não, ba thứ kế là, chỉ nói về tính thô nặng của ba chướng.

- Về sự thô nặng của biến hành, sự thô nặng của nhà năm biến hành, tức nói hai mươi thứ thô nặng trong Hiện Dương quyển chín, thêm chướng sở tri thô nặng, chướng định thô nặng. Mười tám thứ thô nặng này như Bản địa ở trước đã nói.”

- Thứ hai, là bốn chuyển kế, nghĩa là chỉ chỗ nói trước, sau, nhắc lại chung chuyển thứ hai, thứ ba. Dưới đây trong môn thứ bảy, thứ tám, như thứ lớp phân biệt, nên chỉ nhắc lại thuyết sau, nên nói đối với chỗ của mình kia, phải nói rộng.

Chuyển biến khác nhau của phẩm thứ tư. Phải biết rằng, như uẩn khéo nói.

- Thứ ba, là giải thích về sự chuyển biến của nhân quả. Pháp sư Cảnh nói: “giệp phiền não sinh, đều lấy phiền não làm nhân, nghĩa là từ hạt giống phiền não sinh hiện hành phiền não, là sanh nhân khởi. Từ phiền não hiện khởi sinh phiền não hiện khởi là nhân dẫn phát. Từ phiền não hiện khởi sinh nghiệp hiện khởi. Nếu là tánh của Nhân, thì cũng là nhân dẫn phát. Từ hạt giống phiền não bất thiện sinh ra báo là

nhân dẫn dắt, cũng có từ hạt giống nghiệp sinh hiện khởi là nhân sinh khởi. Từ hạt giống nghiệp thiện, bất thiện, sinh báo là nhân dẫn dắt, từ nghiệp bất thiện hiện hành sinh phiền não của tánh nhân, cũng là nhân dẫn dắt.

Nói “Quả cũng như thế, tùy thích hợp phải biết” nghĩa là từ hạt giống danh ngôn của năm chi sinh ra quả sinh, già chết ở vị lai, chính là từ Dị thực sinh Dị thực, là nhân sinh khởi. Từ Dị thực sinh phiền não và sinh ra nghiệp, là nhân nhiếp thọ, vì ba pháp duyên sinh xa.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Một phần phiền não bất thiện cõi Dục có quả Dị thực v.v..., nghĩa là phiền não bất thiện của kiến, tu phạm phu, nếu chứng quả Thánh, hoặc bất thiện trong thân bậc Thánh, tức là phi trạch diệt không có quả Dị thực. Lại, phiền não vô ký, người cõi Dục không vượt qua quả.”

- Thứ tư, là giải thích về chuyển mê hành, như bảy thứ của Bản Địa phần đã tỏ bày, nghĩa là như quyển tám nói: “Có danh không có hạnh giải”. Pháp sư Cảnh nói: “Ba thứ Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, đối cảnh, chấp ngã, chấp đoạn, và bác bỏ là “không”, mà có hạnh giải riêng, là không đúng chánh lý, gọi là hiểu tà. Loại vô minh là tánh hoặc tối tăm, không có hạnh giải riêng, gọi là hạnh không hiểu rõ. Lúc nghi thì khởi “có” “không”, lúc hiểu thì gọi là liễu, khi khởi tà giải, thì gọi là “bất liễu”. Kiến thủ chấp các kiến là hơn. Chấp giới thủ thuận theo tất cả giới cấm của các kiến. Tham chấp mắc kiến của mình, giận, ngờ vực kiến của người khác, nên các kiến đó đều gọi là chấp tà giải liễu.

Tà giải liễu: Tức các kiến về Khổ, Tập tức là tất cả. Nếu là nhân sinh khởi thì “duyên” Y, xứ của dòng họ. Nay mê nhân này, khởi tất cả phiền não, nên nói là mê hành xứ, đối tượng mà nhân duyên kia nương tựa. Diệt, Đạo là pháp trái với “hoặc”. Hoặc sợ hãi ở trong đó, cũng là mê nhân này khởi, nên nói là “mê sợ hãi kia sinh hành”.

Nay, giải thích nghi: Nghi đế vì “có”, là “liễu” hay vì “không” là “bất liễu”?

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ba thứ Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến đối với cảnh, khởi tà hạnh. Kiến này chỉ là phiền não của kiến đạo, chứ chẳng phải Tu đạo, vì thân kiến, biên kiến không mê đế mà sinh. Luận này nói rằng: “Vì mê chuyển hành đối với bốn Thánh đế. Chỉ “duyên” bốn đế sinh. Tham còn lại v.v... “duyên” kiến này mà sinh. Bốn môn trước nêu riêng phiền não, bất luận vô lậu, hữu vi “duyên” sử v.v...”

- Môn thứ năm, thứ sáu giải thích riêng về phiền não phẩm hạ của bốn đế. Khổ, Tập tức duyên của phiền não vì thêm trong tương ứng, nên

gọi là nhân duyên. Diệt, Đạo dứt trừ phiền não, nên gọi là sợ hãi. Môn thứ bảy chỉ tu dứt trừ. Đây là nhậm vận sinh, không mê để khởi, nên biết sáu môn trước là do kiến dứt trừ.

Dưới đây là kết ý của thuyết trước dẫn sinh môn sau. Pháp sư Cảnh nói: “Như ở trước nói: “Mê bốn đế, mê đối trị khác nhau của tu dứt trừ chướng, nghĩa là chỉ dựa vào giáo hóa thích hợp với căn cơ, sao cho chúng sinh dễ hiểu. Đây là kết luận thuyết trước.

Nay, sẽ nói chung v.v..., nghĩa là chỉ cho môn thứ sáu ở dưới, sẽ phân biệt kỹ càng trong tám lượt hỏi, đáp về dứt trừ chướng phiền não.

Nay, giải thích như trước đã nói là chỉ bày rõ về tướng thô. Nay, sẽ phân biệt lớn, nhỏ về môn có sự, không có sự v.v..., chứ chẳng phải chỉ trực tiếp trong môn thứ sáu.

Giải thích về môn sự. Sự này có ba loại:

1. Năm kiến và mạn, gọi là không có sự, nghĩa là đối tượng duyên của thân kiến, thể của ngã “không”, nên gọi là “không có sự”. Bốn kiến khác và mạn vì nương tựa thân kiến mà sinh khởi, nên gọi là “không có sự”

2. Tham và sân “duyên” một ít tịnh, bất tịnh mà khởi, gọi là “có sự”.

3. Vô minh, nghi: hoặc kiến v.v... đều được gọi là “không có sự”, với tham v.v... đều gọi là “có sự”. Về lý, thì tham v.v... cũng có cả “không có sự”; nên Đối Pháp chép: “Ngã, Kiến, Mạn, Ái, gọi là cảnh “không có sự”. Nay y theo nhiều ít, nên nói ba loại.” Pháp sư Cảnh nói: “Trong bảy mạn, trừ mạn, ty mạn, năm mạn còn lại “duyên” cảnh không có sự (vô sự), vì không hợp với thật, hai mạn còn lại “duyên” cảnh có sự (hữu sự). Nhưng vì theo phần nhiều, nên nói mạn là vô sự.

Pháp sư Phương nói: lại y theo ngã mạn nên nói là cảnh vô sự, y theo thật, cũng chung với hữu sự.

Văn nói: “Thật ra không có ngã, mà vì phân biệt chuyển”: Lời nói này giải thích chung thuyết trên. Kiến và mạn là nghĩa vô sự. Y theo sự thật, ngã mạn cũng là pháp “duyên” cảnh hữu sự. Nhưng, nay nói riêng mạn, gọi là “vô sự”, tham gọi là “hữu sự”, là vì ảnh lược làm rõ lẫn nhau. Hai cảnh như thủ v.v... dù có tự thể, nhưng vì ngã kiến là căn bản mà khởi. Lại, vì tăng ích hạnh giải, nên gọi là “vô sự”, chỉ nói “có sự”, “không có sự”, lời văn không đồng. Như luận Đối Pháp chép: “Kiến mạn là “vô sự” còn lại là “hữu sự”. Một chỗ trong Tạp Tập chép: “Kiến, mạn, ái là “vô sự”; văn một chỗ khác nói: kiến và tương ứng là vô sự. Kiến là tát-ca-da kiến, biên chấp kiến. Luận này quyển năm

mười tám chép: Kiến sở đoạn là vô sự, còn lại vừa hữu sự vừa vô sự. Quyển năm mươi chín chép. Kiến mạn là vô sự, tham lam giận dữ là “hữu sự”; nghi và vô minh cả hai.”

“Các đoạn văn trên đây làm sao hội ý để giải thích?”

Ngài Tam Tạng nói: “Theo luận lý, văn luận hội ý giải thích, nghĩa là luận kia chép, như kinh nói: “Kiến dứt trừ “hoặc” là đối tượng duyên của “vô sự”. Tu dứt trừ “hoặc” là đối tượng duyên (sở duyên) của “hữu sự”.

Để giải thích về văn kinh này, có ba thuyết:

1/ “Tát-ca-da kiến, gọi là không có sự, vì không có thật ngã. Kiến dứt trừ “hoặc” còn lại vì lấy ngã kiến đó làm căn bản, nên cũng gọi là “vô sự”. Nếu là tu dứt trừ “hoặc”, thì vì chẳng phải dùng “ngã kiến làm căn bản, nên nói là “hữu sự”.

2/ “Tăng ích trong bốn kiến là không có”: Tồn giảm trong một kiến có. Tuy nhiên, theo luận chánh lý kia, vì không có sự việc tăng, giảm, nên nói “kiến hoặc” gọi là “vô sự”. Tu dứt trừ “hoặc” vì chẳng phải là chấp tăng, giảm, nên nói là “hữu sự”.

3) “Vì không có sự thô hiển trong bốn đế lý, nên mê, “hoặc” kia gọi là vô sự, hoặc do tu dứt “duyên” sự thô hiển, nên nói là “hữu sự”. Và lại, quyển năm mươi tám trong Tông Đại thừa rằng: “ Kiến dứt trừ “hoặc” gọi là “vô sự”, nghĩa là nói theo căn bản. Nếu tu dứt trừ “hoặc”, theo tông của Tát Bà Da cho rằng, vì không có kiến tánh, nên chỉ nói là có thật; do ngã cũng có kiến, vì thế nói cũng “vô sự”, nên nói chung cả hai. Văn khác y cứ theo văn luận này để giải thích lý kia.

Giải thích môn căn tương ứng. Pháp sư Cảnh nói: “ Nếu nhậm vận sinh? thì đều đối với ba thọ có thể được, nghĩa là nhậm vận, chỉ có ý địa được ba căn tương ứng với ưu, hỷ, xả. Chung cho tất cả thân thức, nói là tương ứng với tất cả căn, nghĩa là tham, giận, vô minh tương ứng với thọ. Không nhậm vận sinh đến “ngã” nay sẽ nói: Đây là nêu chung, thừa nhận nói là nghĩa căn tương ứng của phân biệt khởi “hoặc”. Dưới đây, sẽ giải thích riêng về tương ứng.

Nói, Tham cùng lúc tương ứng với hỷ, lạc. Pháp sư Thái nói: “ Văn này y cứ chung tham của sáu thức, đều nói là cùng lúc tương ứng với ưu, hỷ”.

Hỏi: “Nhậm vận (tự ý) khởi sân, tương ứng với xả, vì sao trong phân biệt khởi, không nói tương ứng với xả?”

Pháp sư Thái nói: “ Về lý, thật ra lược qua không nói. Lạc, chỉ hành uẩn, nghĩa là trong báo của người, trời, lạc đều có hành uẩn, khổ

đều có hành uẩn, nghĩa là tức xả của ba đường ác xả ở cả năm cõi.

Dứt kiến trái với thường, nghĩa là đối với lạc đều có hành uẩn, chấp “ngã” đoạn diệt, tương ứng với ưu. Đối với khổ đều cùng với uẩn chấp “ngã” đoạn diệt, tương ứng với hỷ, lạc. Vì hai thủ chấp lấy kiến kia. Tùy theo sự thích ứng như sự tương ứng kia; Nghĩa là kiến thủ, như kiến đã chấp lấy tương ứng với các căn. Giới thủ, như giới đã chấp lấy, thuận theo kiến, tương ứng với căn nào, giới thủ cũng thế. Về lý, thật cũng tương ứng với xả căn, vì lược qua nên không nói. Trong mạn, về lý, sự thấp kém cũng có ba thứ, vì lược qua, nên không nói, bởi dễ hiểu.

Nghi đối với có lợi dưỡng v.v... trong sự quyết định, người khác nói rằng: “Vì lợi dưỡng này chẳng thật có”, nên cũng do dự sinh ưu. Đối với lợi dưỡng cho đến đường ác, người khác nói: là “không”, vì do dự, cho nên Hỷ.

Hỏi: “Trên đây, tham v.v... với nỗi khổ lo lắng, đều vừa mừng, vừa lo chưa thấy chánh văn.

Về nghĩa, có ba giải thích: “

1) “Đem căn từ “hoặc” khổ lo tùy tham, nên thuộc về tánh vui vẻ.”

2) Đem “hoặc” từ căn, vì tham dựa vào khổ lo, nên thuộc về tánh buồn bã”.

3) “Tùy nói về thể tánh, trong một Sát-na có nhiều tác dụng. Cho nên, nỗi khổ ưu tư nẩy sinh, do “duyên” cảnh ngộ ngang trái, thuộc về tánh buồn phiền, còn tham vì, “duyên” cảnh thuận, nên gọi là tánh vui vẻ. Pháp tương ứng khác dẫn phát sự, chỉ bày tỏ văn không lại biểu hiện. Nghĩa là tùy phiền não khác tương ứng với năm căn. Văn lại không nói, là vì cũng có các pháp phiền não này tương ứng với thức. Đoạn văn tương ứng với Biệt cảnh, không biểu hiện nữa.

Ở trước đây, nói về tướng thô. Nay, y theo lớn nhỏ v.v... nghĩa là hỏi: “Theo văn luận ở trước đã nói: “Bốn kiến cõi Dục và tương ứng với mạn, hỷ, xả. Tham tương ứng với lạc, hỷ, xả. Sự giận dữ tương ứng với khổ, ưu, xả. Tà kiến tương ứng với hỷ, ưu, xả. Nghi tương ứng với ưu, xả. Vô minh tương ứng với tất cả năm căn”. Không đồng với văn này ư?”, nên vì họ giải thích.

Trước, nói về nghĩa tương ứng của căn. Y theo được lý thô để dẫn phát hành ban đầu; nay phân biệt Tế, dẫn phát công hạnh từ lâu. Thứ năm, là giải thích các môn như bất thiện v.v..., trong đó, trước giải thích, sau dùng tụng để gồm thâu.

Trong phần trước, đầu tiên, y cứ chung ba cõi, để nói về hai tánh

và có Di thực v.v.... Sau là hỏi, đáp để nói nhiều, ít.

1. Ở trong đó, lược nêu mười cặp. Tánh một, nhiều đối với ít. Do phiền não cõi Dục chung cho bất thiện ẩn mất. Lại có keo kiệt, gan tỵ v.v... gọi là tánh nhiều. Cõi trên chỉ vô ký, không có keo kiệt, gan tỵ v.v..., nên gọi là tánh ít. Lại phiền não cõi Dục duyên sáu trần, nên gọi là tánh nhiều. Phiền não cõi trên “duyên” bốn trần và “duyên” một trần, nên gọi là tánh ít. Môn khác y theo tánh nhiều, ít mà nói, nghĩa ấy rất dễ hiểu.”

Nói “chẳng phải một thứ tướng, sinh tánh quyết định” nghĩa là do cõi Dục, hoặc có vui, buồn v.v... chẳng phải một thứ tướng, đối tượng duyên, chấp quyết định công hạnh của cõi trên.

Lại, giải thích: “Phiền não cõi Dục chẳng phải đối tượng mà định hàng phục, nên chẳng phải tướng quyết định. Phiền não cõi trên do Định hàng phục, nên một tướng quyết định”. Dưới đây trong phần dùng bài tụng gồm sáu, bỏ cái chung, lấy cái riêng, chỉ mười cặp của bài tụng.

Giải thích môn dứt trừ phiền não, trước là tám câu hỏi:

1. Hỏi: “Gom nhóm căn lành nào để chứng nhập Địa nào có thể dứt trừ phiền não?”

2. Hỏi: “Ngang địa vị nào, gọi là địa vị đã dứt trừ “hoặc”?”

3. Hỏi: “Trong tướng ưng ràng buộc và duyên ràng buộc, theo thuyết nào gọi là dứt trừ?”

4. Hỏi: “Dứt trừ tức khắc, và lần lượt như thế nào?”

5. Hỏi: “Thứ lớp Dứt trừ chướng ra sao?”

6. Hỏi: “Số đầu của đối tượng đoạn là gì?”

7. Hỏi: “Dứt trừ “hoặc” rồi thì có hành tướng gì?”

8. Hỏi: “Dứt trừ “hoặc” rồi thì có thắng lợi nào?”

Trong phần đáp có bảy: Lấy đáp chung hai câu hỏi đầu, còn đáp riêng sáu câu hỏi còn lại.

Nói trong đáp chung hai câu hỏi đầu, có sáu lần “lại nữa”: Ban đầu nói: “Tư lương của pháp lành v.v..., là giải thoát phần. Đã được chứng nhập v.v... là quyết trạch phần. Hai pháp này là đạo hàng phục: Kiến đạo, và Tu đạo. Hai đạo đoạn này là chủ thể dứt trừ phiền não”. Đây là đáp câu hỏi đầu. Phải nói đủ dứt trừ tất cả. Phiền não là đã dứt trừ phần vị bốn Du-già, nghĩa là Dục, Niệm, Tinh tấn, phương tiện như trước đã nói.

Nói tiếp thành tựu vẫn là đạo tư lương, được thuận theo giáo v.v..., là đạo phương tiện của bốn thiện căn. Đạo đối trị v.v... là hai đạo Kiến,

tu”. Đây là đáp câu hỏi đầu.

“Tu đạo đối trị đã đạt đến rốt ráo v.v...”, là đáp câu hỏi thứ hai.

“Lần lại nữa” thứ tư, biết rõ sự phiền não, nghĩa là cảnh mê của sở tri, cho nên, bất tịnh v.v....

Biết rõ tự tánh phiền não, nghĩa là biết tánh của các phiền não là giả dối.

Biết tai họa, lỗi lầm, nghĩa là biết nhân phiền não sinh ra tai hại lỗi lầm.

Sinh rồi không chấp chặt, nghĩa là nhân biết được những thứ này, dù là khởi “hoặc”, cũng không thường chấp chặt nhiều là đạo Gia hạnh.

“Nhiếp thọ đối trị” trở xuống, là chánh chứng đạo đoạn.

Ràng buộc nhau, nghĩa là danh tướng của sáu trần. Chúng sinh chấp mắc sáu trần này, gọi là ràng buộc. Duyên tướng khởi phược, gọi là phược tướng, phược thô nặng, nghĩa là hạt giống phiền não, hai thứ ràng buộc này đã được giải thoát. Phải nói đã dứt trừ, vẫn dẫn chứng.

“Lần lại nữa” thứ sáu kia, nghĩa là vì biết rõ đối tượng mà phiền não “duyên” nên xả mà chẳng quán.

Đối tượng duyên của hỷ, lạc, nghĩa là ưa quán chân như, chủ thể dứt trừ là chỗ dựa của phiền. Đã diệt, vì đã được “chuyển y”

Nói “Đã dứt trừ”: Hạt giống là đối tượng nương tựa. Vì đối tượng nương tựa đã diệt, nên gọi là được “chuyển y”

Trên đây, là đáp hai câu hỏi đầu xong. Kế là trong phần đáp câu hỏi thứ ba, nói “Vì từ đối tượng duyên của pháp tương ứng, nên có thể dứt trừ v.v...”, là nói về tương ứng và “duyên” cả hai trong chuyển, đều có thể dứt trừ. Theo luận Tiểu thừa, thì chỉ dứt trừ “duyên” ràng buộc, không trói buộc cảnh trước, gọi là dứt “hoặc”. Phiền não và tâm, là tánh giúp đỡ trong ba đời theo nhau, không thể lìa nhau, nên không dứt tương ứng. Nay, pháp quá khứ, vị lai trong Đại thừa là “không”, sự trói buộc hiện tại là “có”. Do Thánh đạo sinh, tâm pháp tương ứng với phiền não không khởi, gọi là dứt trừ tương ứng.

Dứt trừ xong, không còn duyên cảnh nữa: gọi là duyên ràng buộc dứt trừ.

Lại, xưa kia đã từng khởi hai ràng buộc, huân tập thành hạt giống, gọi là hai phược. Nay khi dứt trừ hạt giống, gọi là đoạn hai phược.

Trong phần đáp câu hỏi thứ tư rằng: “Kiến hoặc dứt trừ ngay, do trí hiện quán để ba tâm dứt trừ ngay mê khổ đế v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Đối với chân kiến đạo, nói về song quán “hai không”, đã làm rạn vỡ chân, dứt ngay hai chướng.

Y cứ dứt trừ hai chướng. Về nghĩa thì nói có ba tâm. Dùng trí hiện quán để, phá hoại “duyên” lý chân như của bốn đế.

Nói tương ứng với tác ý hoại “duyên”. Luận sư Trắc nói: “Dùng văn để chứng, minh rằng chẳng phải hai thuyết:

1. Chứng, nói ba tâm là kiến đạo tương ứng, nghĩa là chẳng phải lý thuyết, vì nói là chủ thể dứt trừ.

2. Chứng, nói ba tâm kiến đạo của Bồ-tát, dứt trừ “hoặc”. Kiến đạo của Nhị thừa, thực hành mười sáu tâm, chẳng phải là nghĩa đúng. Lại, cứ theo luận Thành Thật, thì Địa, Văn, Tư quán khổ, vô thường, dứt trừ giả danh. Hoặc trong bốn hiện nhãn, quán khổ, vô thường, dứt trừ pháp “hoặc” của pháp Thật, dứt cả hai “hoặc” của phẩm Tế giả, thật. Nay, văn luận này lại thuận với nghĩa đó. Trong ba tâm đạo, sơ tâm dứt trừ “duyên” “hoặc” giả danh trong thân người và thân mình. Tâm thứ hai cắt đứt “duyên” “hoặc” của pháp thật trong thân mình, thân người. Nhưng Đối Pháp nói: “Tự nối tiếp nhau, là duyên cảnh của thân người khác rồi biến ra hình bóng là tướng của tâm mình nên gọi là Duyên tự. Tâm thứ ba tức là đạo giải thoát. Theo nghĩa Luận Duy thức, thuận với giải thích trước. “Tu dứt lần lượt v.v...”, Luận sư Trắc nói: “Bồ-tát trong mười địa trước không dứt trừ phiền não, hạt giống chướng tu đạo, nên biết được đại ý văn này nói là hai đạo Kiến, Tu dứt trừ “hoặc” của Nhị thừa.”

Nay, giải thích mười địa Bồ-tát dù không có dứt trừ hạt giống, nhưng lần lượt dứt thô, nặng và đạo có thường tu, nên biết văn này y cứ chung ba thừa mà nói như thế.”

Đáp câu hỏi thứ năm, nhằm nói về thứ lớp dứt trừ chướng. Pháp sư Cảnh nói: “Đầu tiên, dứt trừ chướng của tại gia phàm phu, đã được xuất gia. Kế là, người muốn tu Định, phải lìa chướng của Định kia, tức quyền thuộc Tâm, Từ v.v.... Thứ đến lìa chướng của chướng gần, vì chưa được sáu thứ tác ý trong Vị định chí, nên trong chốc lát sẽ dứt trừ được tính thô nặng v.v... của thân, chướng tác ý.”

Trên đây đã lìa chướng phương tiện của Thánh đạo. Kế là nói về nhân thứ lớp dứt trừ chướng của bậc Thánh. Trước dứt kiến hoặc, kế là, dứt tu hoặc. Kiến tu hoặc đã dứt hết, tức trừ chướng tánh của nhà định Vô lậu. Tiếp theo là dứt trừ chướng sự, tức thuộc tánh không điều phục, như thuận của năm thọ, chướng ngại định vượt hơn. Che lấp định này là một phần chướng Sở tri. Vì thế, nên ở dưới, Luận chép: “Tám giải thoát, trừ chướng Sở tri, đã trừ chướng định. Người cầu Đại thừa, kế là nên dứt phẩm tất cả các chướng của chướng Sở tri.”

Đã nói “Lại có một Bồ-đặc-già-la v.v...”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói ưa xa lìa tánh thô nặng của thân, ngũ. Nghĩa là người ngồi thiền, thân bị mỗi mệt. Kế lại nên dứt, hoặc ưu, cho đến các xả, phẩm chương định, nghĩa là chương vô vi v.v... không lay động trong tu đạo, như thích hợp, so sánh phối hợp”.

Bốn thứ đầu là chương ngại chung của ba thừa. Kiến đạo trở xuống, che lấp phạm phu. Kiến đạo trở lên, trở ngại của bậc Thánh, cũng chung cho cả nhị thừa. Che lấp định chỉ ở Thanh Văn; chương Sở tri chỉ Bồ-tát. Tánh che lấp định này là loại Dị thực, thuộc loại chương Sở tri.”

Có cách giải thích: “Trong đây chỉ nói Nhị thừa dứt trừ “hoặc” theo thứ lớp.

Theo thứ lớp, Luận Trí độ thì: “Hàng Nhị thừa căn cơ nhạy bén, cũng dứt trừ pháp chấp, nên nói rằng có một”. Cách giải thích này chưa tường tận, đáp câu hỏi thứ sáu, để nói trong số đầu của dứt trừ “hoặc”, đại khái chia làm hai để dứt trừ, nghĩa là triền và tùy miên. Triền có chín:

1. Năm dứt trừ chậm lụt.
2. Năm dứt trừ nhạy bén.
3. Trừ năm dứt trừ.
4. Trừ ba cõi.
5. Trừ tán loạn, tức trừ phiền não do ngủ nghỉ sanh khởi.
6. Tở ngộ dứt trừ, tức trừ thời gian tở ngộ, khởi “hoặc” nhạy bén, mạnh mẽ.
7. Dứt trừ Yếu kém, tức tâm yếu kém khởi “hoặc” phẩm hạ, nay dứt trừ “hoặc” này, gọi là dứt trừ yếu kém đoạn.
8. Hàng phục dứt trừ, tức sáu hạnh hàng phục “hoặc”.
9. Ly hệ đoạn, tức dứt trừ ngủ nghỉ, là đáp câu hỏi thứ bảy để nói “hoặc” đã dứt trừ, nghĩa là tương. Lại, “Mắt thấy các sắc không mừng, không lo v.v...”: đây là sáu pháp hằng trụ.

Lại “Tánh ít muốn v.v...” trở xuống, đây là tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân:

1. Ít muốn.
2. Biết đủ.
3. Xa lìa.
4. Tinh tấn mạnh mẽ.
5. Không quên niệm.
6. Thiền định.

7. Trí tuệ.

8. Không có nói suông.

Đồng với kinh Di Giáo. Đáp câu hỏi thứ tám, để nói về sự thắng lợi của dứt trừ “hoặc”: “Nói là tùy chứng đắc siêu việt ưu, nghĩa là dứt trừ tu hoặc cõi Dục, vượt qua khổ: dứt trừ tu hoặc của Sơ định, dứt trừ tu định của hoặc thứ hai vượt qua hỷ. Dứt trừ tu hoặc thứ ba, vượt qua lạc. Dứt trừ tu hoặc thứ tư, vượt qua tưởng, mượn mắt để nhận biết sắc. Lại, vượt qua sự mượn tưởng có đối với nhãn, nhĩ, thân thức kia. Lại, vượt qua thiên thứ tư, “duyên” khắp tướng mười xứ của địa mình và vượt qua tướng “duyên” mười hai xứ cõi dưới.

Do dứt trừ kiến hoặc, vượt nổi khổ đường ác và vượt qua thân người nữ.

Có nghiệp. Nghiệp của Châu phía Bắc, trời Vô Tướng. Lại, vượt ngoài tám khổ như khổ sinh v.v....

Nói, lại chứng yên ổn và thanh lương, nghĩa là chứng Niết-bàn của pháp Diệt kia. Lại được hiện pháp lạc trụ bậc nhất v.v..., nghĩa là chứng niềm vui Bồ-đề của đạo đế kia. Lại, được thắng lợi của định, chung cho phàm và Thánh. Ba quả trước vượt khỏi khổ đường ác. Vô học vượt qua tám khổ.

Yên ổn nghĩa là diệt hữu dư, ở trong đó vì dứt trừ kiến hoặc, nên gọi là yên ổn. Vì dứt trừ tu hoặc, nên gọi là yên ổn bậc nhất.

Thanh lương nghĩa là diệt của vô dư. Vì dứt bảy khổ, nên gọi là Thanh lương. Vì dứt khổ uẩn nên gọi là Thanh lương bậc nhất. Lại, vì được hiện pháp lạc trụ bậc nhất, nên đối với bốn oai nghi không còn lui mất pháp đa chứng. Lợi mình rất ráo viên mãn, không có vọng cầu.

Ở trên, đã nói về thắng lợi của Thanh văn.

“Hoặc lại.” Trở xuống, là nói về thắng lợi của Bồ-tát.

Trên đây, là bảy đoạn đáp lại tám câu hỏi kia, để nói về câu hỏi thứ sáu đã xong.

Giải thích môn “duyên” Cảnh, lược có mười lăm, gồm có bảy đối:

1) Một phần đủ đối lập với một phần, tức “duyên” khắp, hoặc gọi là phần đủ; “duyên” không khắp, hoặc gọi là một phần.

2) Hữu sự đối với vô sự.

3) Duyên bên trong đối lập với duyên bên ngoài: Bên trong duyên sáu xứ, chung cho địa định, bất định. Hoặc “duyên” năm dục mầu nhiệm bên ngoài.

4) Hiện thấy đối lập với không hiện thấy.

5) Loại mình đối lập với loại người như tham “duyên” tham, gọi là “duyên” loại mình (tự loại). Như tham “duyên” giận và “duyên” năm uẩn, gọi là “duyên” loại người khác, như thế v.v....

6) “Duyên” “có” đối với “duyên” “không”, nghĩa là ái, hữu sau, đều gọi là duyên hữu. Không có ái đều gọi là duyên không.

7) Cảnh của mình, cảnh người khác và “không có đối”, nghĩa là cõi Dục đối với phiền não dục hạnh v.v..., gọi là cảnh mình. Cõi Sắc là cảnh, “duyên” trên phiền não dục hạnh. Cõi vô Sắc là cảnh, “duyên” trên phiền não sắc hành. Hàng là xếp thành hàng như đứng sắp hàng ngoài chợ. Lại, còn địa dưới là cảnh, “duyên” trên hoặc dưới.

“Vi sao?” trở xuống, là tướng mạo của “duyên”. Pháp sư Cảnh nói: “Văn này tức nói là mạn của Địa trên “duyên” xuống địa dưới. Hoặc tà kiến phẩm hạ, bác không có tướng “duyên” phẩm hạ khác.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tức Địa trên trong Đại thừa được “duyên” Địa dưới, khởi phiền não”.

Hỏi: “đây là “hoặc” gì?”

Đáp: “Có chỗ giải thích: “Đây là kiến, mạn, như ở chỗ khác:” Lại có giải thích khác, chỉ nói là ta hơn người này không bằng người kia v.v... nếu khởi ngã mạn chẳng phải tất cả phiền não đều khởi.”

Lại, giải thích: “Do vậy, tất cả phiền não như tham v.v... đều như thế, vì thường hằng là thường kiến; tịnh vượt hơn là kiến thủ v.v... cho nên, dù “hữu” là “duyên” nhưng không giống với bản chất, “duyên” với danh làm cảnh.

Chỗ khác nói là “cõi trên không “duyên” cõi dưới”: Đây là văn thuận theo lý.

Hỏi: “Tham, mạn của cõi dưới không được “duyên” cõi trên. Vậy, mạn của cõi trên làm sao “duyên” cõi dưới?”

Đáp: “Vi Địa dưới yếu kém nên không khởi ngã mạn, vì Địa trên là hơn nên có thể khởi.

Nói “không có cảnh”, nghĩa là “duyên” phân biệt rồi chấp diệt, đạo v.v... Diệt đạo và chân như, chẳng phải là tướng lấy, vì tâm cảnh chung. “Duyên” diệt, Đạo và chân như chung, đều gọi là “không có cảnh” chỉ “duyên” “danh” mà khởi.

Giải thích môn hiện hành. Trước là nêu chung, sau là giải thích riêng.

Trong phần giải thích, trước là giải thích hai mươi người. Kế là, giải thích hiện hành của hai mươi phiền não của ba thứ này theo thứ lớp hệ thuộc vào nhau, đó là:

1) Người tại gia vì “duyên” chấp mắc niềm vui, chạy theo hiện hành của triền tham dục.

2) Người xuất gia vì siêng năng “duyên” phiền não, nên không tùy theo hiện hành của triền dục.

3) Trụ ác nói pháp, nghĩa là không dựa vào pháp Phật siêng năng hành khổ hạnh; không dựa vào người tại gia chấp mắc năm dục lạc. Vì duyên không khổ không vui nên có phiền não không hiểu biết gì hiện hành.

4) Người trụ thiện nói pháp. Vì “duyên” năm dục, nên các phiền não có sự hiểu biết hiện hành.

5) Người riêng tăng thêm phiền não; Vì “duyên”. Tâm, từ, nên “hoặc thô hiện hành.

6) Đẳng phần hành nhân: Do các “duyên” như xúc khổ, xúc lạc, v.v... nên phiền não đẳng phần hiện hành.

7) bậc trần hành nhân: Vì “duyên” Tùy miên, nên phiền não nhỏ nhiệm hiện hành.

8) Người lia dục của thế gian vì “duyên” tập khí kiếp trước, nên phiền não của môn trong ở cõi trên hiện hành.

9) Người chưa lia dục, vì gần gũi (tiếp cận) với bạn ác, duyên ác, thành ra phiền não môn ngoài của cõi Dục hiện hành (biểu hiện).

10) Người thấy dấu vết của bậc Thánh nghe pháp bất chính, vì tâm sinh ngờ vực, nên khởi, phiền não hiện hành.

11) Người chưa thấy dấu vết của bậc Thánh, vì “duyên” tác ý không chính đáng, nên phiền não mạng mẽ, nhay bén hiện hành.

12) Người chấp mắc. Vì “duyên” bất tín, nên phân biệt mà khởi phiền não hiện hành.

13) Người không chấp mắc, vì “duyên” lười biếng nên phiền não nhậm vận mà khởi, hiện hành.

14) Người quán sát, vì “duyên” thất niệm, nên phiền não của Tâm, tư hiện hành.

15) Người ngủ nhiều vì “duyên” tán loạn, nên phiền não không tự tại hiện hành. Lúc ngủ, lúc thức, hoặc yếu kém, gọi là không tự tại.

16) Người giác ngộ, vì “duyên” tuệ ác, nên phiền não tự tại mạnh mẽ hiện hành.

17) Người trẻ tuổi, vì “duyên” buông thả nên phần vị “phi sở y” phiền não hiện hành. Trẻ con mới lên mười lăm, mười sáu tuổi, vì khởi “hoặc” chưa thành, nên gọi là “phi sở y”

18) người căn hành thành thực, vì “duyên” phiền não, nên phiền

não của phần vị sở y hiện hành, tức hai mươi trở lên vì “duyên” phiền não mạnh mẽ, nhạy bén, theo đuổi, tìm kiếm, nên gọi là “phần vị sở y”

19) Người của pháp bát Niết-bàn, vì chưa lìa dục, nên phiền não có thể chữa trị hiện hành.

20) Người của không nhập Niết-bàn, vì “duyên” tánh phàm phu, nên phiền não không thể chữa trị hiện hành.

Trong giải thích kiết sinh, trước nói về tất cả kiết phiền não của đương địa sinh. Sau, nói về kiết sinh nối nhau, hoặc bảy, hoặc chín.

Trong phần trước, bổ khuyết rằng: “Thông thường nói đến Kiết sinh, tự có hai thời:

1) Thời Nhuần Trung Hữu.

2) Thời Nhuần sinh hữu.

- Trong nhuần có sinh, tức ở trước tử trong phần vị sáng suốt rõ ràng. Người chưa lìa dục, trước là khởi tất cả phiền não của đương địa, đều giúp cho nhuần sinh. Tiếp theo, chỉ khởi ái, là chính thức nhuần sinh, nên kinh nói: “chỉ có ái khiến cho các “hữu” nối tiếp nhau”. Đoạn văn dưới đây và Đối Pháp đều nói: “Với chín thứ tâm mạng chung, ái nhuần sinh tự thể của tâm. Nếu trong phần vị sắp chết chưa lìa dục, biểu hiện ái tự thể, thì tức là bốn ái. Ái ban đầu được gọi là “ái tự thể”. Vì khi sắp chết, phần nhiều lúc khởi ái này khắp tự thể, thấm nhuần nghiệp của cõi khác, lôi kéo trung hữu khởi. Nếu là người đã lìa dục thì sẽ sinh lên Địa trên, khởi ái của địa trên, tức là ái của “hữu” sau trong bốn ái. Tìm kiếm “hữu” sau, cũng là “ái tự thể”.

- Nhuần “sinh hữu” tức ở trong đó có mặt tâm khởi ái. Lúc bấy giờ, nếu đoạn văn trước nói khởi ái, nghĩa là sắp thọ dụng, nếu là người nam, thì khởi ái đối với mẹ, tức hành ái Hỷ, tham trong bốn ái. Nhuần ái này đồng khởi sinh hữu của nghiệp đã thành thực, khiến cho nối tiếp với tánh “hữu” trong các cõi, lại không nhất định. Nhưng bỏ trước, khởi sau, khởi Trung hữu sau, cuối cùng quyết định hưởng đến sinh hữu kia. Nếu tánh “hữu” kia khi chưa đến tâm cuối cùng Trung hữu trở xuống, đã khởi đủ tất cả phiền não của đương địa, thì đều giúp cho nhuần sinh.

Nói “người chưa lìa dục, đối với chỗ tự sinh, mới được thọ sinh: “Đây là y theo triền hiện tại nhuần sinh. Các phẩm phiền não đã có tùy thô nặng ràng buộc thân mình, cũng có thể làm nhân sinh ra thân Dị thực kia: Đây là y theo chung tử nhuần sinh”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Phải nói là hoàn toàn, chẳng phải không hoàn toàn; Đây là y theo nhuần sinh đã chẳng phải phát nghiệp. Dù

phát nghiệp mười phiền não, tu đạo vô ký, phiền não tham v.v... của cõi trên. Tức không phát nghiệp, nên nay, y theo nhuận sinh. Ngã ái là chính thức nhuận, pháp khác là giúp nhuận. Như dưới đây tự nêu ra để phá tiểu thừa, vì chỉ tham nhuận sinh. Vì Đối Pháp y theo chính nhuận sinh, nên chỉ nói “ngã ái”, không trái nhau”

Kế là, nói về kiết sinh, lược có bảy thứ. Pháp sư Cảnh nói rằng: “Theo trường hợp của Đại thừa, tâm cuối của Trung Hữu nhuận sinh, khởi ái thấm nhuần sinh hữu. Sinh hữu không có nhiễm. Đầu tiên, khi nhập thai, vẫn được Trung Hữu. Nói tâm cuối của Trung hữu khởi ái, nhuận sinh. Thời gian sau, trụ thai và khi xuất thai, Trung hữu đã diệt. Dù rằng, lại khởi ái kiết sinh, nhưng nếu ở phần vị trụ, xuất thai, thì sinh hữu đã khởi, chẳng phải lúc kiết sinh, thế sao luận lại nói là phần vị nhập, trụ, xuất đều nói là do kiết sinh nối tiếp nhau?”

Giải thích: “Đoạn văn này nói chung là phần vị nhập, trụ, xuất do kiết sinh nối tiếp nhau, có trái ngược, không trái ngược. Nếu khởi ái, có thể sinh thì chỉ có tâm Trung hữu. Trung hữu phần nhiều đứng lại ở thời gian nhập, trụ. Ở trong nhập trụ, bám lấy di thể của cha, mẹ. Lúc sinh ra sinh hữu, thì Trung hữu sẽ diệt ngay, nên ở nhập trụ, kiết sinh, nối tiếp nhau, không vào thời gian khác.

Nay, nói” phạm phu điên đảo khi nhập, trụ, xuất thai” nghĩa là nói chung Trung hữu; sinh hữu; và bản hữu, đều khởi điên đảo. Nếu là Trung hữu kia, thì đối với cha, mẹ, khởi điên đảo nhóm hợp. Nếu sinh hữu, bản hữu, là người phước đức mỏng, thì sẽ nhìn thấy hiện tượng bão táp, mưa sa, cảnh nhà tranh, hang lá, là nơi thân tựa vào đó mà sống. Nếu là người có nhiều phước đức, thì sẽ thấy cung điện, vườn rừng lầu quán, gọi là điên đảo. Cho nên, điên đảo lúc còn trong thai, nghĩa là nói chung, Trung hữu, sinh hữu và bản hữu.

Bổ khuyết rằng: “Cả hai chỉ tùy miên, sinh, nối tiếp nhau, nói là người thấy dấu vết bậc Thánh: “Đối Pháp thì nói: “Hai quả đầu, triền và tùy miên nhuận sinh. Nếu là quả Bất Hoàn, thì chỉ Tùy Miên nhuận sinh, vì sao trái nhau?”

Ngài Tam Tạng đáp: “Tùy miên nhuận sinh của bậc Thánh thì nhất định, như trong đây nói: “Tất cả các học thấy dấu vết của bậc Thanh, đều nói là tùy miên nhuận sinh, triền khởi không nhất định, hoặc có, hoặc không. Vì Đối Pháp y theo khởi, nên nói hai quả, hai thứ triền và tùy miên đều thấm nhuần”. Luận sư Bị nói: “ Người người quả Bất Hoàn, khi chết ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc, chỉ do Tùy miên kiết sinh nối tiếp nhau. Do đạo lý dục đã dựa vào trong thân không khởi

phiền não. Nếu từ Sơ định chết, lúc sinh địa khác kia, cũng do kiết hiện hành sinh nối tiếp nhau, chẳng phải đạo ly dục vì đã dựa vào thân.”

Luận sư Trắc nói: “Phàm phu đủ cả hai; bậc Thánh chỉ có hạt giống kiết sinh, nối tiếp nhau.”

Với giải thích này nên hỏi: “Hai quả đầu đã chưa lìa dục, lẽ ra phải do hiện hành huận sinh, vì sao trong đây nói chỉ có hạt giống nhuận ư?”

Đáp: “Nên nói thế này: “Hai quả đầu dù khởi hiện hành mà trí đã hàng phục. Vì thế dụng chậm lụt, nên tướng từ hạt giống danh. Về lý thật chung cho cả hiện hành.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đây nói Bồ-tát do trí lực thọ sinh. Quả này dù hữu lậu vẫn chiêu cảm nghiệp thiện hữu lậu. Nhưng vì tùy chỗ sinh, nên nói hoặc bảy hoặc chín”.

Luận sư Trắc nói: “Hai thứ thọ sinh không có nghĩa ở sau, vì không lìa bảy thứ trước, nên hợp lại thì có bảy. Trí nghiệp đã chia riêng, tức có chín.”

Nay, giải thích: “Dẫn phát không có nghĩa lợi, tức là thứ sáu. Năng dẫn nghĩa lợi tức là thứ bảy, nên nói rằng: “Trước nói bảy thứ, lại nói hai thứ sau, cho nên “hoặc chín” giải thích chín môn đã xong.

Dưới đây kết môn câu khác, chỗ này không biểu hiện. Lấy hẹp để hỏi rộng, đáp thuận với câu hỏi trước, về nghĩa ấy rất dễ hiểu.

Trên đây, đã giải thích về nghĩa của chín môn tạp nhiệm xong. Dưới đây sẽ cùng tụng để gồm thâu. Câu đầu có bốn môn, hai câu kế mỗi câu đều có bài tụng gồm hai môn; một môn của câu sau. Văn luận trên, dưới hoặc trước có nêu chung, kế là tùy từng môn giải thích cuối cùng là kết. Hoặc có khi nêu chung, kế giải thích mà không có văn kết. Hoặc có văn trước giải thích, sau kết, không có văn trước nêu chung. Hoặc phần nhiều môn, lập giải thích, không có văn nêu chung hoặc phần nhiều nêu môn lập giải, không có nêu kết chung. Đây là vì thể hiện các thứ pháp môn giải nghĩa nên tạo ra pháp này.

Trên đây, đã quyết trạch phiền não tạp nhiệm xong, dưới đây là thứ hai, trong quyết trạch tạp nhiệm gồm có:

1. Kết trước, sinh sau.

2. Chánh quyết trạch, ở trong đó, trước dùng chín môn tùy nghĩa phân biệt. Sau nêu một bài tụng để tổng kết.

Trong phần trước, ban đầu, giải thích rõ chín môn. Sau, kết môn khác không thể hiện.

Y theo môn tự tướng đã giải thích ban đầu, trước nêu chung phương

tiện trước sau căn bản làm tướng của nghiệp đạo.

Nói: “Cũng do kiến lập sự khác nhau v.v... của năm tướng” v.v...
Pháp sư Cảnh nói: “ Tức là dưới đây nói về năm duyên thành sát v.v... gọi là năm tướng ‘.

Kế là, phân biệt căn bản, nên nói là như trước đã nói nghiệp đạo bất thiện, gọi là ba nghiệp bất thiện thuộc về nghiệp đạo căn bản”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Năm tướng nghĩa là ba nghiệp thân, ngữ, ý của nghiệp đạo căn bản, và bốn phương tiện, về sau, khởi năm. Các pháp này như Bản địa quyển tám ở trước đã giải thích rộng. Tham, sân v.v... kia, Tiểu thừa không có gia hạnh, đều là căn bản. Nay, Đại thừa cũng có gia hạnh”.

Kế là, nói về nghiệp đạo căn bản, do năm duyên mà thành. Trước là nêu năm duyên:

1) Tâm nhiễm ô: Đây là phân biệt Bồ-tát với tâm bi mà hành sát.

2) Khởi dục lạc, nghĩa là dù có tâm nhiễm, nếu không có dục lạc, thì cũng không thành nghiệp đạo.

3) tức đối với chỗ này, nói về cảnh giết hại, v.v... cảnh khác nhau không thành.

4) Hiện hành của nghiệp kia vận động thân, tay, dù đủ ba trước, nhưng nếu không vận thân, tay, thì nghiệp đạo sẽ không thành.

5) Được rất ráo, bốn nghiệp trước chỉ là phương tiện. Nếu không nghiệp thứ năm thì nghiệp đạo sẽ không thành, vì đối với việc sát không rất ráo.

Dưới đây, trong giải thích riêng, Pháp sư Cảnh nói: “nói “Nếu có tâm nhiễm, không khởi dục lạc mà được rất ráo thì chẳng phải viên mãn”, Nghĩa là đã không có dục lạc, làm sao rất ráo trở thành nghiệp căn bản?”

Giải thích: “Như khi người giết, vận động tay, chân giết lầm côn trùng, dù hành động giết hại, nhưng chẳng phải vốn ý ưa thích, nên không thành nghiệp đạo.”

Nói: “Nếu có tâm nhiễm, khởi dục lạc, mà tâm trái ngược, nếu đối với hiện hành của nghiệp kia, ở chỗ khác mà được rất ráo v.v..., nghĩa là duyên khác nhau. Nếu việc giết hại không thành nghiệp đạo. Nói “nếu có tâm nhiễm khởi dục lạc, tức nghiệp xử ở đây không hiện hành, mà được rất ráo v.v... ”, nghĩa là người này khởi tâm muốn giết người kia, người kia nghe nói cảm thấy sợ hãi, hoặc tự tử, dù nghiệp không hiện hành mà vẫn được rất ráo, nên thành nghiệp đạo.”

Pháp sư Thái nói: “Như sai người đi sát sinh, tự nghiệp không hiện hành, mà vẫn được rớt ráo, vì chỉ có “vô tác”, nên chẳng phải viên mãn.” Pháp sư Trắc nói: Y theo chẳng viên mãn, có chỗ giải thích cũng là nghiệp đạo mà chẳng phải viên mãn. Có chỗ giải thích vì chẳng phải viên mãn nên chẳng phải nghiệp đạo.

Dưới đây là thứ hai, nói rộng, trong đó, ban đầu là nêu chung năm tướng làm môn. Sau, đem mười nghiệp đạo trải qua năm môn để giải thích. Trước là nói, năm tướng chỉ thêm tướng kia, bốn tướng còn lại tức đồng với thuyết trước. vì tổng hợp với phương tiện rớt ráo kia làm một, nên sự chung cho tình, phi tình, nghĩa là sát sinh, tà hạnh, nói dối, nói lời chia rẽ, đối với chỗ hữu tình khởi. Trộm cắp, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt và ba hành động của ý, chung cả xứ tình, phi tình, khởi. Tướng có bốn thứ:

1. Đối với người kia chẳng phải tướng kia, nghĩa là đối với người to lớn kia, khởi tướng bình đẳng với nhân vương. Ba thứ còn lại, y cứ mà biết. Dục lạc, hoặc tướng lạc trái ngược, không trái ngược, đã tạo ra dục, tức nhân hai tướng trong bốn tướng trước, khởi dục lạc điên đảo. Nhân hai tướng sau không có dục lạc, sinh phiền não tức là bảy Độc.”

Hỏi: Nếu khi tham giận nổi lên, tất nhiên chung với vô minh nhưng sao trong đây lại nói hoặc tham hoặc giận v.v... ư?”

Giải thích: “Vì đối với si riêng kia, nên nói hoặc tham v.v.... Dù đều có với si, mà vì tham tăng, nên nói hoặc tham v.v....”

Hỏi: Tham, sân, không đều cùng có, sao lại nói hoặc tham, sân, si?”

Giải thích: “Dù tham, sân không cùng khởi, nhưng vì chúng che lấp trước, sau nên nói “hoặc hai”.

Dưới đây, sẽ trải qua năm duyên để kiến lập mười thứ nghiệp đạo, tức thành mười đoạn. Trong sát sinh nói: “Nếu giết hại không có gián đoạn, thì tức là người kia chết ngay. Khi đã chết, người ấy ở Tử hữu, vẫn còn có khí, làm sao huân tập thành nghiệp đạo căn bản được?”

Ngài Tam Tạng giải thích: “Tiểu thừa nói: “Chủ yếu chết rồi mới thành nghiệp căn bản; Đại thừa không có vấn đề này. Y theo nghĩa này, thân chết rồi, có thể làm cho hạt giống nghiệp phương tiện chuyển thành nghiệp đạo căn bản.”

Luận sư Trắc nói: “Văn luận này nói, nếu giết hại chúng sinh không có gián đoạn thì chúng sinh kia liền chết, chính vì phương tiện này v.v..., như đạo vô ngại: “Ngay ở hiện tại cùng đến tướng Diệt, dù chẳng phải cùng lúc nhưng do dứt mà tác dụng thành”. Sát-na cũng thế.

Dù đã chết mà nghiệp đạo được thành, phải ngay lúc ấy mới chấn động nhau, nên có nghiệp biểu căn bản được thành tựu”.

Nói “Nếu ở thời gian sau, người kia mới xả mạng v.v... như dao chém vào người, ngay khi đó chưa chết, phải qua một ngày sau mới chết. Đã không có nghiệp đạo căn bản hiện hành thì làm sao huân tập thành hạt giống nghiệp căn bản?”

Giải thích: “Do người kia bị giết mà chết, với thế lực tăng thượng tiêm nhiễm vào kẻ sát nhân này, là phương tiện huân tập hạt giống, khiến phương tiện đó tăng thượng thành nghiệp căn bản.

Trong trộm cắp, như sai bảo người vạch ra phương tiện cho hành vi ăn trộm, thì đến lúc nào mới huân tập để thành nghiệp đạo căn bản?”

Giải thích: “Người trước đi trộm vật, lìa khỏi chỗ cũ. Do thế lực tăng thượng khiến hạt giống phương tiện trước của họ chuyển thành nghiệp đạo căn bản tăng thượng.

Ý nói lìa khỏi chỗ cũ, nghĩa là theo luật sư Như Thủ nói về chỗ lìa. Chỗ có mười trường hợp:

1) Văn viết thành, như ra tay viết số, như khéo vẽ đất thành chữ, lúc một đầu thì nhẹ, khi hết cả hai đầu thì nặng.

2) Ngôn giáo lập chỗ lìa. Luật sư Thiện Kiến nói: ‘Nếu tâm ăn trộm xướng lên, thì nhất định là đất của ta. Chủ đất sinh hoài nghi, tâm quyết định có lỗi nặng. Nếu hưởng đến tăng, đều đồng với lỗi nặng. Nếu tranh luận chung về ruộng lan thì phán quyết trái lý với lý trái được phán quyết, cho đến dùng lời lẽ cắt đứt nhiều đầu mối, nhằm nói nói là trộm hạ, xướng to cũng như thế”.

3) Đời tướng nêu: Luật sư Thiện Kiến nói: “Khi nêu một mục tiêu là ruộng lan, nêu hai thì phạm tội trọng, dù chỉ xê dịch bằng một sợi tóc, vẫn là trái phạm trọng tội.

Đất sâu không có giá trị, nên giường dây cũng như thế”.

4) Lấy thẻ tre. Tùy theo thẻ tre để phân biệt về chỗ lìa.” Như luật Tứ phần nói

5) Sắc khác để nói về lìa chỗ”. Như luật Thập tụng nói: “Đệm cỏ, đệm dệt bằng lông thú, cây, cành, lá, hoa, đều gọi là chung là sắc khác chuyển rằng để nói về lìa chỗ, như luật Thập tụng nói.

6) Cây Xứ, cỏ Bồ làm dơi đổi con cờ v.v...

7) Chỗ lìa, là nói không lìa, như giết. Trộm bò, ngựa của người khác. Tâm của người chủ chưa dứt, tâm mình chưa nghĩa là được.

8) Không lìa chỗ, là nói lìa chỗ, như luật Thiện Kiến nói: “Trộm ở chỗ hoang vắng quyết định không có ngờ vực, hễ động thì thành tội

trọng.

9) Không lia chỗ, là nói lia chỗ v.v... Trộm vật ở ruộng, nhà, chuyển sang sang liên hệ thôn xóm, đốt, chôn giấu hoại sắc v.v...

10) Nói rộng về chỗ lia, trừ chín trường hợp kể trên, không được gồm thâu, tức là thổi vật trộm chìm trong hư không, xoay tài vật cắt đứt dòng nước (chặn dòng nước). Chảy rớt, chôn nhiều di hài, nhiều nhà cửa, am viện v.v... rất nhiều không thể nói hết.

Sự trong tà hạnh dục, có bảy thứ:

1) Điều người nữ không nên làm, như ba thứ gìn giữ v.v... như trước đã nói

2) Gìn giữ điều nên làm, mà chẳng phải chi.

3) Phi xứ (chẳng phải chỗ).

4) Phi thời (chẳng phải lúc).

5) Lượng đều như ở sau sẽ nói.

6) Giới.

7) Không giới.

Tưởng có bốn thứ, nay, lấy câu thứ ba, y theo tạng. Luận nói, có hai giải thích:

1) “Hành dục với vợ người nghĩ là vợ người. Dù cảnh có trái, mà vì đồng với vợ người, nên thành nghiệp đạo. Như đối với người phụ nữ họ Trương nghĩ là vợ của vua v.v...”

2) “Không thành tựu nghiệp đạo, vì cảnh, tưởng lầm. Nay, theo luận này cũng có hai giải thích:

Luận sư Trắc nói: “Vì e rằng giải thích trước, về nghĩa không được đúng, hai cách giải thích về hai người giao hội, y cứ Nhiếp Luận, có hai cách giải thích:

1) “Vừa bắt đầu giao hội thì liền thành nghiệp đạo.

2) “Với tư thế ưa thích, sâu nảo xong, mới thành nghiệp đạo
Luật tông theo giải thích trước”

Nói đối rất ráo, nghĩa là thời gian, chúng và đối với luận giả, nhận hiểu. Theo nghĩa của Tiểu thừa là như có một người muốn lừa dối người khác, nên nói rằng: “Thấy con chó sói ở ngoài thành”. Người đối diện nếu nghe hai chữ hiểu ngay, khi nghe đến chữ thứ hai, chính là thành nghiệp đạo. Nếu nghe ba chữ, người ấy mới nhận hiểu, nghĩa là đến chữ thứ ba, thì mới thành nghiệp đạo. Nghe đủ bốn, mới nhận hiểu là thành nghiệp đạo.”

Hỏi: “Nếu khi đang nghe mà thành nghiệp đạo, biết rõ nghĩa chưa giải thích, thì làm sao nghiệp đạo sinh ư?”

Đáp: “Có hai giải thích:

1) “Có thể nảy sinh ý quyết định nhận hiểu, nên gọi là lãnh giải, là từ quả được tên”.

2) “Nhận hiểu có hai:

a) Vì lấy giải thích dụng, nên gọi là nhận hiểu, chỉ ở ý thức

b) vì giải thích rõ ràng âm thanh, nên gọi là nhận hiểu. Nghĩa là Nhĩ thức cũng gọi là nhận hiểu, an thuận với chánh lý, nên giải thích trước là vượt hơn.

Nay, theo Đại thừa, đã có ý thức đồng thời “duyên” tiếng và công dụng giải thích rõ, nhĩ thức vì chỉ lấy tiếng, nên không có trở ngại”.

Lại, giải thích: “Ý thức đồng “duyên” không lấy danh v.v..., là y cứ theo Tiểu thừa kia, lại còn lập ra hai giải thích nữa.”

Hỏi: “Đối với người nước ngoài, sau hành vi lừa dối, mới nhận hiểu, nếu được huân tập thành nghiệp đạo căn bản?”

Giải thích: “Do sức tăng thượng nhân hiểu của người kia, nên phương tiện tiêm nhiễm người kia đã hun đúc (huân tập), để cho thành nghiệp đạo nói dối tăng thượng.

Nói lời chia rẽ. Về sự hoặc hòa hợp, không hòa hợp, nghĩa là chỗ đã hòa hợp và nơi sẽ hòa hợp.

Lời nói thô ác. Phương tiện rất ráo nghĩa là quở mắng người kia, không nói lời người kia nhận hiểu. Vì sao?

Giải thích: “Lời nói thô tục chỉ muốn thỏa lòng, chưa hẳn là người đối diện hiểu.

Lời nói thêu dệt rất ráo, nghĩa là vừa nói ra, vì sao không buộc người trước nhận hiểu? Như nói lời thêu dệt, điều cột người trước v.v...?”

Giải thích: “Nói lời thêu dệt có hai:

1/ Lời thêu dệt tương ứng, tức ba ngữ trước phi nghĩa, chẳng phải lúc, gọi là “ý ngữ”. Thời gian rất ráo của phương tiện, như ba ngữ trước.

2/ Lời thêu dệt độc đầu (Độc đầu ý ngữ). Hoặc vì người khác, nói tà luận của ngoại đạo, hoặc vì điều cột người trước mà bịa ra ca, vịnh, cũng tức làm cho người khác hiểu, mới thành rất ráo, hoặc ở chỗ riêng, vắng vẻ, tự có ca hát, ngâm vịnh, khóc kể, buồn than, hể vừa nói ra liền thành nghiệp đạo.”

Hỏi: “Tức ba ngữ trước gọi là lời nói thêu dệt, hay là tức ba ngữ vô biểu, gọi là lời nói thêu dệt? Hay là có riêng ư?”

Đáp: “Theo thuyết của Tiểu thừa, hoặc nói không có vô biểu

riêng, hoặc cho rằng, có vô biểu riêng.”

Luận sư Quang nói: “Thuyết sau là hơn.”

Về tham, sân, tà kiến, theo cách hành văn rất dễ hiểu.

Dưới đây là thứ ba, nói sơ lược, trong đó, trước giải thích ba thứ sát sinh. Sau giải thích năm tướng của ba nghiệp đạo của ý thức.

Trong phần trước gồm có:

1. Có tội tăng trưởng, vì đủ ba duyên, ba căn sanh khởi.

Hai công năng sinh, khổ của người khác.

Ba Hoan hỷ giết, hy vọng đầy đủ, phiền não đã khởi, muốn sinh khổ người khác, nên có tội. Vì tạo ra niềm hoan hỷ cho mình, nên khiến có tội tăng trưởng.

2. Có tội không tăng trưởng, chỉ có hai duyên: gây tội rồi mà biết ăn năn, không có hy vọng đầy đủ.

3. Không có tội, nghĩa là hoặc giết lầm; hoặc vì từ bi mà giết, vì chẳng phải do phiền não khởi, nên không có tội. Vốn tâm sát không có hy vọng tràn đầy. Vì đời trước đoạn mạng, nên sinh khổ của người khác. Một “duyên” nếu người kia giết, về sau, lại thọ khổ, chỉ vì không có tội cố sát, nên nói không có tội.”

Kế là, giải thích ba nghiệp đạo của ý. Dục có năm tướng, tùy thiếu bất cứ một thứ nào thì chẳng phải tướng tham dục viên mãn: tức theo văn này, nếu không đủ năm tướng, thì chẳng phải nghiệp đạo tham.

Tâm thêm ác, nghĩa là đối với tướng năng tổn hại, tùy pháp phân biệt: Đối với khả năng gây tổn hại ta, hoặc thân, hoặc ngữ, tùy phân biệt như thế, mà nổi sân. Ba là vượt qua tâm lưu hành, nghĩa là như lý phân biệt là tâm thường lưu. Không như lý phân biệt, vượt qua dòng thường mà đi, gọi là vượt qua tâm lưu hành.

4. Trong giải thích phương tiện. Thế văn dù rằng gồm nói cả về căn bản, nhưng đại ý nói về phương tiện, lại nói về mười nghiệp đạo ác. Trong phương tiện sát rằng: “Bán-thi. Pháp sư Thái nói: “Có người định giết kẻ khác, dùng chú làm cho thân thầy chết dài ra, vì sai khiến giết kẻ thù, nên gọi là Thi. Dùng chú thuật làm cho thầy chết không có đầu, không có nói năng, rồi sai khiến giết người khác, nên gọi là Bán-Thi.”

Luận sư Trắc nói: “Có người muốn giết người khác, dùng chú để chú vào quỷ, khiến quỷ giết kẻ khác. Hoặc định khiến sai thầy chết giết chúng sinh, nên gọi là Thi. Hoặc dùng tay chân v.v... của thi để giết hữu tình, nên gọi là bán-thi.”

Có Luận sư nói rằng: “Xét bộ luật Tát-bà-đa mới dịch rằng: “Chú thi khiến đeo chiếc vòng, một tay cầm kiếm, đến giết người kia, gọi là

bán thi. Nếu đeo hai vòng, hai tay cầm kiếm mà đến giết người thì gọi là Thi.”

Lại xét luật ấy rằng: “Phi thời v.v... trong dục tà hạnh không đồng với Bản địa quyển tám của văn trước, và luận Đối Pháp v.v... có thể biết.”

Nói: “Nếu tự hành dục, hoặc mai mối cho người khác v.v... ” nghĩa là Tát Bà Da nói: “Phải do tự thân mới thành dục hạnh.” Luận Thành Thật nói “Tự làm, khiến người khác làm, đều thành tà hạnh.”

Nay, theo luận này đồng với Thành Thật giải thích: “Trong lời nói thô ác có mười bảy câu, gồm tám cặp:

1. Đối diện, không đối diện.
2. Đại chúng đối lập với chỗ tối tăm.
3. Sự thật vượt qua đối với không thật.
4. Sách biểu hiện đối nhau.
5. Tự nói đối với người khác nói (thuyết của mình đối lập với thuyết của người).
6. Điều cử đối lập với không tranh cãi.
7. Họ mình đối với tạo nghiệp.
8. Tự phát đối với tha phát.

Bảy sự nhiếp thọ trong tham dục, mười sự nuôi nấng thân, như quyển hai nói “Pháp sư Cảnh nói: “Thế giới của Lỗ-Đạt-La. Nghĩa là chỗ ở của trời Đại Tự Tại. Thế giới Tỳ-sắc-nô, là chỗ của trời Tỳ-nữu. Đã là ngoại đạo chấp, thì không được dựa vào hai mươi tám tầng trời để mong cầu nơi chốn kia.”

Luận sư Trắc nói: “Lỗ-Đạt-La, gọi là bạo ác sĩ hóa, Tỳ sắt-nô, dịch là huyễn hoặc, đều là chư thiên từ tầng trời Tha Hóa trở xuống. Trong tà kiến ở trước, nói về sự khác nhau; sau nói về phế lập.
